

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP C  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/DS-ST.

Ngày: 15-6-2021.

V/v tranh chấp về dân sự quyền  
về lỗi đi qua.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP C**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê VA*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn H

2. Ông Lê Quang T

*- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết N, thư ký Tòa án.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP C tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Đ - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 15 tháng 6 N 2021, tại Tòa án nhân dân TP C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2020/TLST-DS, ngày 11 tháng 02 N 2020, về việc “Tranh chấp về dân sự quyền về lỗi đi qua”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2020/QĐST-DS, ngày 09 tháng 12 N 2020, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:*

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 339, đường Lê Văn Cử, tổ 23, khóm T N, phường HT, TP C, tỉnh Đ.

2. Bà Phan Thị B, sinh năm 1934;

Địa chỉ: Nhà không số, đường Võ Văn Trị, tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của bà B: Ông Trần Văn H, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 339, đường Lê Văn Cử, tổ 23, khóm TN, phường HT, TP C, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/02/2020).

3. Bà Phạm Thị Thu Y, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Nhà không số, đường Võ Văn Trị, tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của bà Y: Ông Trần Văn H, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 339, đường Lê Văn Cử, tổ 23, khóm TN, phường HT, TP C, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/02/2020).

4. Bà Trần Thị C, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số 355/1, đường Lê Văn Cử, tổ 23, khóm T N, phường HT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của bà C: Ông Trần Văn H, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 339, đường Lê Văn Cử, tổ 23, khóm T N, phường HT, TP C, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/02/2020).

5. Ông Võ Văn K (Võ Xuân N), sinh năm 1952;  
Địa chỉ: Số 10, đường Võ Trường Toản, tổ 5B, khóm M, Phường M, TP C, tỉnh Đ.

6. Ông Võ Thanh H, sinh năm 1977;  
Địa chỉ: Số 46, đường Tôn Đức Thắng, khóm M, Phường M, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của anh H: Ông Võ Văn K (Võ Xuân N), sinh năm 1952, địa chỉ: Số 10, đường Võ Trường Toản, tổ 5B, khóm M, Phường M, TP C, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/02/2020).

7. Ông Võ Duy M, sinh năm 1984;  
Địa chỉ: Số 10, đường Võ Trường Toản, tổ 5B, khóm M, Phường M, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của anh M: Ông Võ Văn K (Võ Xuân N), sinh năm 1952, địa chỉ: Số 10, đường Võ Trường Toản, tổ 5B, khóm M, Phường M, TP C, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/02/2020).

8. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964;  
Địa chỉ: Số 385/16, đường Võ Văn Trị, tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông N: Ông Trần Văn H, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 339, đường Lê Văn Cử, tổ 23, khóm TN, phường HT, TP C, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/02/2020).

- *Bị đơn*: Thái Văn M (Sáu M), sinh năm 1953;  
Địa chỉ: Số 381/1, đường Võ Văn Trị, tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông M: Đặng Văn K, sinh năm 1978, địa chỉ thường trú: 13/4, khóm Bình Long 2, phường MB, thành phố L, tỉnh A; địa chỉ liên hệ : Lô 1E1, KDC Bình Đức, khóm BĐ 1, phường BĐ, thành phố L, tỉnh A - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/7/2020).

- *Người có quyền lợi, N vụ liên quan*:

1. Đỗ Thị Hoàng A, sinh năm 1959  
Địa chỉ: Số 381/1, đường Võ Văn Trị, tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của bà A: Thái Văn M (Sáu M), sinh năm 1953, địa chỉ: Số 381/1, đường Võ Văn Trị, tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/7/2020).

2. Thái Hoàng H, sinh năm 1991  
Địa chỉ: Số 381/1, đường Võ Văn Trị, tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ.

3. Bà Dương Thị H, sinh năm 1956  
Địa chỉ: Số 10, đường Võ Trường Toản, tổ 5B, khóm M, Phường M, TP C, tỉnh Đ.

4. Thái Hoàng T, sinh năm 1978

5. Thái ThA T, sinh năm 1982

6. Ngô Thị Thu T, sinh năm 1990
7. Lê M T, sinh năm 1991
8. Thái Hoài A, sinh ngày 29/7/2013

Người đại diện theo pháp luật của Hoài An: Thái Thanh T, sinh năm 1982 và Lê M T, sinh N 1991 (cha mẹ ruột).

9. Thái Thị Gia H, sinh ngày 09/6/2014

Người đại diện theo pháp luật của Hân: Thái Hoàng H, sinh năm 1991 và Ngô Thị Thu TH, sinh N 1990 (cha mẹ ruột).

10. Thái Gia H, sinh ngày 05/5/2019

Người đại diện theo pháp luật của Hân: Thái Hoàng H, sinh năm 1991 và Ngô Thị Thu TH, sinh năm 1990 (cha mẹ ruột).

Cùng địa chỉ: Số 381/1, đường Võ Văn Trị, tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ.

*Ông Trần Văn H, ông Võ Văn K (Võ Xuân N), ông Thái Văn M (đại diện cho bà Đỗ Thị Hoàng A) và ông Đặng Văn K có mặt.*

*Ông Thái Hoàng H, Thái Hoàng T, Thái ThA T, Ngô Thị Thu TH, Lê M T vắng mặt không lý do.*

*Bà Dương Thị H vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Các nguyên đơn trình bày:* 08 hộ dân có đất canh tác và nhà ở cùng sử dụng lối đi đã trên 20 năm, cụ thể:

1. Ông Trần Văn H có 02 thửa đất, thửa 519, diện tích 3.030 m<sup>2</sup> và thửa số 626, diện tích 3.476,3 m<sup>2</sup>, đất trồng lúa nước.

2. Bà Phan Thị B có nhà ở trên đất của bà Trần Thị C.

3. Bà Phạm Thị Thu Y có nhà ở trên đất của bà Trần Thị C.

4. Bà Trần Thị C có 02 thửa đất: thửa số 2932, diện tích 1.870,4 m<sup>2</sup>, đất trồng lúa nước và thửa số 3547, diện tích 609,8 m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu N.

5. Ông Võ Văn K (Võ Xuân N) có thửa đất số 3431, diện tích 1.531,1 m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu N.

6. Ông Võ ThA H có thửa đất số 3609, diện tích 1.633,8m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu N.

7. Ông Võ Duy M có thửa đất số 3432, diện tích 1.466,5m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu N.

8. Nguyễn Văn N có 02 thửa đất: thửa số 427, diện tích 916,2m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm và thửa số 451, diện tích 1.637m<sup>2</sup>, đất trồng lúa nước.

Vị trí đất nằm phía trong đất của ông Thái Văn M, mặt tiền đất cặp bờ kinh thủy lợi nên các hộ phải đi trên bờ đê kênh thủy lợi, qua đất ông M để ra lộ, lối đi chiều ngang 1,5m dài 13m thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông M, thửa đất số 652, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.073,5 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ. Nay ông M rào ngang lối đi không cho các hộ sử dụng, gây khó khăn trong việc giao thông, các hộ chỉ sử dụng lối đi này không thể mở lối đi nào khác. Tại thời điểm thu hoạch xoài, các hộ dân rất khó khăn trong việc vận chuyển xoài ra lộ. Nay ông H, bà B, bà Y, bà C, ông N, ông N, ông H, ông M yêu cầu ông Thái Văn M tháo dỡ các chướng ngại vật rào chắn lối

đi để cho các hộ dân được sử dụng lối đi chiều ngang 1,5m x dài 13m, thuộc một phần thửa số 652, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ do ông Thái Văn M đứng tên.

Các nguyên đơn thống nhất biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2020, sơ đồ đo đạc ngày 16/9/2020 và biên bản định giá tài sản ngày 06/8/2020.

*Ông Thái Văn M có ông Đặng Văn K đại diện trình bày:*

Trước đây, các nguyên đơn có đi tạm trên đất ông M, ông M nghĩ tình làng Nghĩa xóm mới cho đi, không phải đất của ông M là lối đi duy nhất, sau này để bảo vệ tài sản nên ông M rào lại.

Bị đơn thống nhất biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2020, sơ đồ đo đạc ngày 16/9/2020 và biên bản định giá tài sản ngày 06/8/2020.

*Bà Đỗ Thị Hoàng A có ông Thái Văn M (Sáu M) đại diện:* Thống nhất ý kiến của ông M.

*Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và N vụ tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu các nguyên đơn, yêu cầu được sử dụng lối đi trên đất của ông M theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất 19,9 m<sup>2</sup>;

Chấp nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn, các nguyên đơn đồng ý ông M vẫn đứng tên quyền sử dụng đất diện tích đất 19,9 m<sup>2</sup>; tự nguyện trả cho ông M tiền sử dụng lối đi (19,9 m<sup>2</sup> x 300.000 đồng/m<sup>2</sup>) là 5.970.000 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn, các nguyên đơn đồng ý trả giá trị cây trồng cho ông M.

Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

### **NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tra tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nh định:

Ông Thái Văn M có ông Đặng Văn K đại diện yêu cầu thay đổi Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, do không vô tư khách quan; đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn vắng mặt phiên tòa hai lần; nhập vụ án với vụ án do ông M kiện ông K, ông H, bà B và bà Y để giải quyết. Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông K, do yêu cầu không có căn cứ.

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện các nguyên đơn tranh chấp với ông Thái Văn M. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP C, tỉnh Đ.

Ông Thái Hoàng H, Thái Hoàng T, Thái Thanh T, Ngô Thị Thu T, Lê M T vắng mặt không lý do. Bà Dương Thị H vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt). Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự vắng mặt.

[2] Về nội dung:

Ông Trần Văn H được cấp quyền sử dụng đất thửa số 519, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.030 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS02143, ngày 08/7/2019 và thửa số 626, diện tích 3.476,3 m<sup>2</sup> Giấy chứng nh quyền sử dụng đất số vào sổ CH01059, ngày 17/12/2012, tọa lạc phường ht, TP C, tỉnh Đ.

Bà Trần Thị C được cấp quyền sử dụng đất thửa số 3457, tờ bản đồ số 17, diện tích 690,8 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01417, ngày 06/02/2014 và thửa đất 2932, tờ bản đồ số 17, diện tích 1870,4 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04106, ngày 22/10/2007, tọa lạc phường HT, TP C, tỉnh Đ.

Ông Võ Thanh H được cấp quyền sử dụng đất thửa số 3609, diện tích 1.633,8 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01418, ngày 06/02/2014, tọa lạc phường HT, TP C, tỉnh Đ.

Ông Võ Duy M được cấp quyền sử dụng đất thửa số 3432, diện tích 1.466,5m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00546, ngày 04/8/2011, tọa lạc phường HT, TP C, tỉnh Đ.

Ông Võ Văn K (Võ Xuân N) và bà Dương Thị H được cấp quyền sử dụng đất thửa số 3431, diện tích 1.531,1 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00547, ngày 15/7/2011, tọa lạc phường Hòa Thuận, TP C, tỉnh Đ.

Hộ ông Nguyễn Văn N được cấp quyền sử dụng đất thửa số 427, diện tích 916,2 m<sup>2</sup> và thửa số 451, diện tích 1.637 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00855 QSDĐ/TQĐ-UB, ngày 22/8/2003, tọa lạc phường HT, TP C, tỉnh Đ.

Bà Phan Thị B và bà Phạm Thị Thu Y không có đất, bà Trần Thị C cho cất nhà ở trên đất của bà C tại thửa số 3457, tờ bản đồ số 17, diện tích 690,8 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01417, ngày 06/02/2014.

Các nguyên đơn cho rằng, vào khoảng năm 2011, ông M thống nhất cho các nguyên đơn đi trên diện tích đất chiều ngang khoảng 1,5 mét, chiều dài khoảng 13 mét trên một phần (diện tích đất 1.073,5 m<sup>2</sup>) thửa đất số 652, tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00496, ngày 23/02/2017 do hộ Thái Văn M đứng tên, đất tọa lạc tại tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ, đến cuối năm 2019, do có mâu thuẫn nên ông M rào chắn lối đi không cho các hộ sử dụng, gây khó khăn trong việc giao thông, các hộ chỉ sử dụng lối đi này không có lối đi nào khác. Do đất trồng xoài, đến thời điểm thu hoạch xoài các hộ dân rất khó khăn trong việc vận chuyển xoài ra lộ.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2020, diện tích đất lối đi 19,9 m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 2,3,4,5,6, trở về mốc 2. Các đương sự trình bày, trước đây, các nguyên đơn sử dụng đất của bà Bùi Thị L và ông Bùi Thanh N để ra lối đi chung của các hộ dân khác (khoảng 20 hộ) ra đường Lê Văn Cử, nhưng từ năm 2011 đến nay đi lối đi trên đất của ông M để ra đường Võ Văn Trị, nhưng nay đất bà L, ông N đã đắp mô trồng xoài. Theo biên bản khảo sát hiện trạng ngày 13/10/2020, đất của bà Trần Thị C giáp ranh đất của bà Bùi Thị L và ông Bùi Thanh N, nhưng đất của bà L, ông N đã đắp mô trồng xoài, không phải lối đi chung, đồng thời đất của ông N giáp lối đi của các hộ dân khác (khoảng 20 hộ), không phải giáp lối đi công cộng. Các diện tích đất của ông N, ông H, ông K, ông M, ông H không giáp lối đi nào. Do đó, các nguyên đơn không còn lối đi nào khác ngoài lối đi tranh chấp và là đi duy nhất thuận tiện, hợp lý nhất và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Ông Thái Văn M có Đặng Văn K đại diện cho rằng, các nguyên đơn tự sử dụng lối đi tranh chấp từ năm 2011 không có sự đồng ý của ông M. Nhưng từ N 2011 đến khi cuối năm 2019 do có mâu thuẫn với ông H, ông K nên ông M mới rào chắn lối đi. Từ năm 2011 đến khi cuối năm 2019, ông M không có đơn gửi cơ quan chức năng yêu cầu giải quyết, ông M không trực tiếp yêu cầu các nguyên đơn không được sử dụng lối đi trên đất ông M.

Thể hiện, từ năm 2011 ông M đồng ý cho các nguyên đơn sử dụng đất của ông M để làm lối đi ổn định ra đường Võ Văn Trị, phường HT, TP C, tỉnh Đ.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP C là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ Điều 254 BLDS của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn, các nguyên đơn được quyền sử dụng diện tích đất 19,9 m<sup>2</sup> làm lối đi trong phạm vi các mốc 2,3,4,5,6, trở về mốc 2 trong thửa số 652, tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00496, ngày 23/02/2017 do hộ Thái Văn M đứng tên, đất tọa lạc tại tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ.

Buộc hộ ông Thái Văn M (gồm: ông Thái Văn M, bà Đỗ Thị Hoàng A, A Thái Hoàng H, A Thái Hoàng T, A Thái Thanh T, chị Ngô Thị Thu TH, chị Lê M T, Thái Hoài A, sinh ngày 29/7/2013 (người đại diện theo pháp luật của Hoài A: Thái Thanh T, sinh năm 1982 và Lê M T, sinh năm 1991- cha mẹ ruột), Thái Thị Gia H, sinh ngày 09/6/2014 (người đại diện theo pháp luật của H: Thái Hoàng H, sinh năm 1991 và Ngô Thị Thu TH, sinh năm 1990 - cha mẹ ruột), Thái Gia H, sinh ngày 05/5/2019 (người đại diện theo pháp luật của H: Thái Hoàng H, sinh năm 1991 và Ngô Thị Thu TH, sinh năm 1990 - cha mẹ ruột) phải tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B 40 (trụ đá ngoài đất trA chấp) ra khỏi diện tích đất lối đi 19,9 m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 2,3,4,5,6, trở về mốc 2 trong thửa số 652, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ do hộ ông Thái Văn M đứng tên để các nguyên đơn sử dụng làm lối đi.

Về giá trị tài sản: Theo biên bản định giá, loại đất lúa, giá 75.000 đồng/m<sup>2</sup>, nhưng các nguyên đơn đồng ý trả giá trị đất 300.000 đồng/m<sup>2</sup>, diện tích đất 19,9 m<sup>2</sup>, thành tiền 5.970.000 đồng, do đó, các nguyên đơn phải trả giá

cho hộ ông M số tiền 5.970.000 đồng; trả giá trị cây trồng (gồm : chuối cho trái 04 cây; chuối chưa cho trái 06 cây; xoài cho trái 02 cây; xoài mới trồng 02 cây) số tiền 3.986.000 đồng, tổng cộng số tiền 9.956.000 đồng. Ông H, bà B, bà Y, bà C, ông N, ông N, ông H và ông M được sở hữu 10 cây chuối, 04 cây xoài trên đất tranh chấp.

Tại phiên tòa, các nguyên đơn không yêu cầu đứng tên quyền sử dụng đất, đồng ý hộ ông M vẫn đứng tên quyền sử dụng đất thửa số 652, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ. Do đó, hộ ông M vẫn đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 19,9 m<sup>2</sup> thửa số 652, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thái Văn M không đồng ý cho lời đi nên phải chịu án phí theo quy định.

Ông Trần Văn H, bà Phan Thị B, bà Phạm Thị Thu Y, bà Trần Thị C, ông Võ Văn K (Võ Xuân N), ông Võ Thanh H, ông Võ Duy M và ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho hộ ông M số tiền 9.956.000 đồng, nên liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Về chi phí tố tụng khác (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): Số tiền 4.640.000 đồng ông Võ Văn K tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của các ông Trần Văn H, bà Phan Thị B, bà Phạm Thị Thu Y, bà Trần Thị C, ông Võ Văn K (Võ Xuân N), ông Võ Thanh H, ông Võ Duy M và ông Nguyễn Văn N yêu cầu được sử dụng diện tích đất 19,9 m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 2,3,4,5,6, trở về mốc 2 trong thửa số 652, tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00496, ngày 23/02/2017 do hộ Thái Văn M đứng tên, đất tọa lạc tại tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ để làm lối đi.

Buộc hộ ông Thái Văn M (gồm: ông Thái Văn M, bà Đỗ Thị Hoàng A, A Thái Hoàng H, A Thái Hoàng T, A Thái Thanh T, chị Ngô Thị Thu TH, chị Lê M T, Thái Hoài A, sinh ngày 29/7/2013 (người đại diện theo pháp luật của Hoài A: Thái Thanh T, sinh năm 1982 và Lê M T, sinh năm 1991- cha mẹ ruột), Thái Thị Gia H, sinh ngày 09/6/2014 (người đại diện theo pháp luật của H: Thái Hoàng H, sinh năm 1991 và Ngô Thị Thu TH, sinh năm 1990 - cha mẹ ruột), Thái Gia H, sinh ngày 05/5/2019 (người đại diện theo pháp luật của H: Thái Hoàng H, sinh năm 1991 và Ngô Thị Thu TH, sinh năm 1990 - cha mẹ ruột) tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B 40 (trụ đá ngoài đất tranh chấp) ra khỏi diện tích đất 19,9 m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 2,3,4,5,6, trở về mốc 2 trong thửa số 652, tờ bản đồ số

17, đất tọa lạc tại tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, tỉnh Đ do hộ ông Thái Văn M đứng tên để các nguyên đơn sử dụng làm lối đi.

*(kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2020 và sơ đồ đo đạc ngày 16/9/2020).*

Hộ ông Thái Văn M vẫn đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 19,9 m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 2,3,4,5,6, trở mốc 2 trong thửa số 652, tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00496, ngày 23/02/2017 do hộ Thái Văn M đứng tên, đất tọa lạc tại tổ 7, khóm TA, phường HT, TP C, Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề đối với phần đất nêu trên theo quy định tại Điều 95 của Luật đất đai N 2013, Điều 73 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ ngang nhau khi sử dụng lối đi chung theo hiện trạng được ghi trong phân quyết định này.

Buộc ông Trần Văn H, bà Phan Thị B, bà Phạm Thị Thu Y, bà Trần Thị C, ông Võ Văn K (Võ Xuân N), ông Võ Thanh H, ông Võ Duy M và ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả giá trị tài sản cho hộ ông Thái Văn M số tiền 9.956.000 đồng (*chín triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015.*

Ông Trần Văn H, bà Phan Thị B, bà Phạm Thị Thu Y, bà Trần Thị C, ông Võ Văn K (Võ Xuân N), ông Võ Thanh H, ông Võ Duy M và ông Nguyễn Văn N được sở hữu 10 chuối, 04 cây xoài trên đất tranh chấp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hộ ông Thái Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông Trần Văn H, bà Phan Thị B, bà Phạm Thị Thu Y, bà Trần Thị C, ông Võ Văn K (Võ Xuân N), ông Võ Thanh H, ông Võ Duy M và ông Nguyễn Văn N liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 498.000 đồng. Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008111, ngày 07/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự TP C, tỉnh Đ. Các ông H, bà B, bà Y, bà C, ông N, ông N, ông H và ông M liên đới nộp tiếp số tiền 198.000 đồng (một trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng khác (*xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản*): Số tiền 4.640.000 đồng ông Võ Văn K tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền



kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nH:**

- Chi Cục THA DS TP C;
- Viện kiểm sát ND TP C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Công Kha**